

UNIT 10:**WHEN WILL SPORTS DAY BE?****LESSON 2-3****I. NEW WORDS**

- win	: thắng, thắng cuộc
- lose	: thua cuộc
- competition	: cuộc thi đấu
- compete	: thi đấu
- event	: sự kiện, sự việc
- hard	: tích cực, hết sức cố gắng
- schoolday	: ngày học, ngày đi học
- teachers' Day	: ngày hiến chương nhà giáo
- Children's Day	: ngày quốc tế thiếu nhi
- play against	: chơi đấu với
- a football match	: 1 trận đấu bóng đá